TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS - PT
Ngày: 02/02/2021
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Với thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Anh Dân

Các Thẩm phán: Ông Bằng Công Hiệp và bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lương Thị Thúy Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 01 và ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2020/TLPT-DS ngày 29/10/2020 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 125/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Ông Trần Thanh V, sinh năm 1962 (có mặt);

1.2 Bà Tôn Thanh C, sinh năm 1963 (có mặt);

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh T, sinh năm 1965 (có mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm ĐT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

** Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn:*

Ông Nguyễn Công Q (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 8, phường TT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên.

** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Ông Lê Quang N -luật sư Văn phòng luật sư AT - Đoàn Luật sư tỉnh Thái Nguyên (có mặt)

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Trần Thanh P (tức Trần Nam P), sinh năm 1953;

3.2 Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1958;

Cùng địa chỉ: Xóm ĐT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên; (ông P vắng mặt, bà L có mặt).

4. Người làm chứng:

4.1 Ông Trịnh Triều S, sinh năm 1949 (vắng mặt);

4.2 Chị Phạm Thị P1, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Xóm ĐT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Thanh V và vợ là bà Tôn Thanh C, khởi kiện đối với ông Trần Thanh T (em trai ông V) về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng cho vợ chồng ông diện tích đất ruộng 232m^2 thuộc thửa số 255, tờ bản đồ số 24, xóm ĐT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên.

Nguồn gốc đất ông V và bà C trình bày: Cụ Lê Thị L1 là mẹ đẻ của ông V, khi còn sống vào những năm từ trước năm 1990, cụ L1 có cho 3 anh em trai là ông P (anh cả), ông V và ông T (em trai) mỗi anh em một thửa đất. Để tiện canh tác ông và ông P đã đổi đất cho nhau, ông P lấy thửa đất của ông được cụ L1 cho là thửa số 4, tờ bản đồ số 25, diện tích 209m^2, quá trình sử dụng ông P đã kê khai và được cấp GCNQSD đất năm 2002 mang tên Trần Thanh P đại diện hộ gia đình. Còn ông lấy thửa đất của ông P chính là thửa số 255, tờ bản đồ số 24, xóm ĐT, xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Từ khi được cụ L1 cho và đổi cho ông P, gia đình ông sử dụng ổn định không tranh chấp.

Về việc kê khai để cấp GCNQSD đất do sơ suất nên ông không kê khai thửa đất số 255, đến năm 2002 khi gia đình ông nhận được GCNQSD đất thì ông phát hiện ra thửa đất này ông chưa kê khai. Ngay khi phát hiện ra việc kê khai thiếu ông đã lên UBND xã báo lại, nhưng được giải thích khi nào có đợt cấp mới thì kê khai cả thể. Sau đó khi làm thủ tục xin cấp lại vì lúc này cụ L1 đã chết, mặc dù các anh chị em trong gia đình đã ký xác nhận cho ông làm thủ tục nhưng ông T lại gây khó khăn không ký cho ông vì lý do ông T cho rằng thửa đất là của cụ L1 chưa cho hay chuyển nhượng cho ai.

Bị đơn ông Trần Thanh T, khai: Nguồn gốc thửa đất ông V đang khởi kiện là của cụ L1 chưa cho ai, thửa đất này là khi cụ L1 còn sống ông đã cùng cụ L1 mua của ông Trần P2, sau đổi cho bà P1. Việc ông V canh tác trên thửa đất này là do cụ L1 cho ông V mượn, nên không nhất trí yêu cầu khởi kiện của ông V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh P (Trần Nam P) và bà Hoàng Thị L khai: Cách đây vài chục năm, đã rất lâu rồi nên ông bà không nhớ cụ thể là năm nào, vợ chồng ông bà được mẹ là cụ Lê Thị L1 cho một thửa ruộng thuộc xóm ĐT, xã HT, huyện đh, tỉnh Thái Nguyên, chính là thửa hiện đang tranh chấp giữa gia đình ông V với ông T. Cùng khoảng thời điểm đó, ông Trần Thanh V cũng được cụ L1 cho thửa số 4, tờ bản đồ số 25, diện tích 209m^2 thuộc xóm ĐT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên, ở gần nhà ông bà. Sau khi được mẹ cho ruộng, giữa vợ chồng ông V và vợ chồng ông bà đều thống nhất thỏa thuận đổi cho nhau để tiện canh tác vì thửa của ông bà được mẹ cho gần với nhà ông V (là thửa đang tranh chấp hiện nay), còn thửa của ông V gần nhà ông bà. Chính vì vậy, trong sổ địa chính gốc ở xã HT, thửa ruộng mà gia đình ông bà đổi cho gia đình ông V (nay là thửa đang có tranh chấp) ban đầu đứng tên Trần Thanh P. Khi đó chưa đo bản đồ địa chính nên tên thửa không phải là

thửa 255 mà là thửa 361, tờ bản đồ số 25, sau này đo đạc bản đồ địa chính thì mới đổi tên thành thửa 255, tờ bản đồ số 24, thực chất vẫn là thửa đang tranh chấp, không phải thửa nào khác. Sau khi đổi cho nhau, gia đình ông bà sử dụng thửa của ông V, còn gia đình ông V sử dụng thửa của gia đình ông bà từ đó đến nay, không ai có ý kiến thắc mắc hoặc tranh chấp gì.

Trong quá trình sử dụng, gia đình ông bà đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa ruộng nhận đổi từ ông V và năm 2002, gia đình ông bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa số 4, tờ bản đồ số 25, diện tích 209m^2 mang tên Trần Thanh P đại diện hộ gia đình. Còn thửa số 255, tờ bản đồ 24 mà ông V, bà C nhận đổi từ gia đình ông bà thì ông bà không quan tâm đến nữa vì xác định đã đổi rồi thì thuộc quyền của gia đình ông V. Ông bà được biết trong quá trình sử dụng, gia đình ông V đã có tên trên bản đồ địa chính, ông bà không để ý gia đình ông V đã có bìa đỏ hay chưa cho đến khi tranh chấp với ông T xảy ra thì mới biết là gia đình ông V chưa được cấp bìa đỏ.

Quan điểm của ông bà về việc giải quyết vụ án là: Thửa ruộng tranh chấp giữa gia đình ông V và ông T có nguồn gốc ban đầu của cụ Lê Thị L1 cho vợ chồng ông bà, sau đó ông bà đổi cho vợ chồng ông V. Thực tế gia đình ông V đã sử dụng mấy chục năm nay, việc ông T cho rằng đất là tài sản của cụ L1 và của ông T là không đúng vì khi cụ L1 còn sống, cụ ở riêng và tách đủ ruộng đất cho các con, cụ cũng có bìa đỏ riêng, trong bìa đỏ của cụ không hề có thửa ruộng tranh chấp này. Việc gia đình ông V chưa được cấp bìa đỏ thửa ruộng này có thể là do thiếu sót khi kê khai hoặc do lỗi của Ủy ban đã sơ xuất khi làm thủ tục cấp bìa đỏ cho gia đình ông V vì tình trạng cấp thiếu đất cho người dân những năm trước đây là chuyện bình thường, nhiều gia đình bị tình trạng thiếu sót như vậy. Khi Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp giữa vợ chồng ông V với ông T, ông bà không có yêu cầu gì đối với các bên đương sự vì ông bà xác định đã đổi cho gia đình ông V, không còn mắc mớ gì nữa. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ đưa vụ án ra xét xử. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DS-ST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên, đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh V và bà Tôn Thanh C đối với bị đơn ông Trần Thanh T.

Công nhận thửa ruộng số 255, tờ bản đồ số 24, diện tích 231,8m^2 thuộc xóm ĐT, xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên (có trích lục sơ đồ kèm theo) thuộc quyền sử dụng của ông Trần Thanh V và bà Tôn Thanh C.

Ông V, bà C có trách nhiệm làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án, lệ phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/10/2020 ông T và đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Nguyễn Công Q, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm và đề nghị hủy án sơ thẩm do vi phạm tố tụng và việc thu thập chứng cứ chưa đầy đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu , chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Thanh T và đại diện theo ủy quyền của ông T là ông Nguyễn Công Q, kháng cáo trong hạn luật định và đã nộp dự phí kháng cáo là hợp lệ được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2.] Về nội dung: Theo các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguồn gốc thửa đất số 255, tờ bản đồ 24 diện tích 232m^2, theo bản đồ địa chính chỉnh lý năm 2013 (theo bản đồ 299 là thửa 361 tờ bản đồ 25 diện tích 244m^2) là của cụ Lê Thị L1. Từ khi còn sống cụ L1 đã cho các con đất, thửa đất tranh chấp trên cụ L1 cho con trai là Trần Thanh P. Sau để tiện canh tác ông P đã đổi cho ông Trần Thanh V, ông P lấy thửa số 4, tờ bản đồ số 25, diện tích 209 m^2 của ông V, còn ông V lấy thửa số 255, tờ bản đồ 24 diện tích 232m^2. Các bên đều sử dụng ổn định, năm 2002 ông P đã được cấp GCNQSD đất đối với thửa đất đổi cho ông V. Ông V chưa được cấp GCNQSD đất đối với thửa đất cấp đổi cho ông P, vì lý do ông V khai do ông sơ suất kê khai thiếu, năm 2002 phát hiện ra đã xin cấp bổ sung, được cán bộ địa chính xã trả lời chờ đợt cấp tổng thể, đến khi làm thủ tục cấp lại vì lúc này cụ L1 đã chết nên cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSD đất yêu cầu phải có chữ ký của tất cả anh, chị em trong gia đình. Các anh em trong gia đình đều nhất trí, riêng ông T không ký vì lý do, ông T cho rằng thửa ruộng tranh chấp hiện nay là do cụ L1 và ông T mua C của ông P2, khi mua là thửa 224, tờ bản đồ 26, diện tích 408m^2, sau đó cụ L1 đổi cho ông bà D P1 để lấy thửa 255 hiện nay và cụ L1 cho gia đình ông V mượn sử dụng và trả sản (thóc) hàng năm. Khi còn sống cụ L1 chưa cho hay chuyển nhượng cho ai. Việc ông V sử dụng thửa đất này là do cụ L1 cho ông V mượn, nhưng là mẹ con nên không có giấy cho mượn

Theo nội dung biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân xã HT: Tại Sổ đăng ký ruộng đất năm 1994, các hộ gia đình: bà L1, ông V, ông T đều không đăng ký thửa 361, tờ bản đồ số 25 (tức thửa 255, tờ bản đồ 24 hiện nay). Tại sổ mục kê ruộng đất năm 1994, thửa ruộng này đứng tên hộ gia đình ông Trần Thanh P. Tại Sổ thống kê diện tích, loại đất, chủ sử dụng theo hiện trạng năm 2000, thửa ruộng này mang tên chủ sử dụng là hộ ông Trần Thanh V. Ủy ban xã xác định gia đình ông V đã từng làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa ruộng này.

Lời khai của ông Trịnh Triều S - nguyên Bí thư Chi bộ, nguyên Trưởng xóm ĐT thể hiện: trong quá trình ông công tác ở xóm, thực hiện chủ trương của xã, ông có yêu cầu các hộ gia đình đi làm thủ tục nhận ruộng vào năm 2001, khi

đó ông chỉ thấy gia đình ông V nhận thửa ruộng này, không thấy ai có tranh chấp gì.

Lời khai của bà Phạm Thị P1 xác định: Khi cụ L1 còn sống, cụ có đổi cho gia đình bà một thửa ruộng để cụ lấy thửa ruộng này, bà không nhớ chính xác thời điểm hai gia đình đổi cho nhau. Sau khi đổi xong, bà không để ý cụ L1 có vào bìa đỏ hay không hoặc có sử dụng hay không vì bà thường xuyên đi vắng, không ở nhà

Như vậy có đủ căn cứ xác định, nguồn gốc thửa ruộng tranh chấp là của cụ L1 và cụ L1 đã cho con từ khi cụ còn sống (cụ L1 chết năm 2016), chính vì vậy cụ L1 không canh tác và cũng không kê khai xin cấp GCNQSD đất đối với diện tích đất này. Vợ chồng ông P, bà L xác định nguồn gốc thửa đất 255 là cụ L1 cho vợ chồng ông và vợ chồng ông đã đổi cho vợ chồng ông V, bà C để tiện canh tác. Vợ chồng ông V, bà C sử dụng L tục, ổn định mấy chục năm không có tranh chấp, bản thân ông T cũng không có ý kiến gì về việc vợ chồng ông V sử dụng trong suốt quá trình từ khi cụ L1 còn sống cho đến sau khi cụ L1 chết.

Việc ông T cho rằng thửa ruộng là tài sản C của ông và cụ L1 vì ông và cụ L1 mua của ông Trần P2 sau đổi cho bà P1, cụ L1 chỉ cho ông V mượn canh tác, cụ L1 không tặng cho hay chuyển nhượng cho bất kỳ ai. Nhưng ông T không chứng minh được việc mua C với cụ L1 cũng như không chứng minh được việc cụ L1 cho ông V mượn.

Tòa sơ thẩm đã công nhận quyền sử dụng cho ông V, bà C đối với thửa đất 255, tờ bản đồ số 24, diện tích 231,8m^2 thuộc xóm ĐT, xã HT, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên là có căn cứ pháp luật, phù hợp với thực tế sử dụng đất L tục nhiều năm.

Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông T và người đại diện theo ủy quyền của ông T.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng tố tụng. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Từ sự phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Trần Thanh T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2020/DSST ngày 14/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Áp dụng Điều 166 Bộ luật dân sự 2015, Điều 203 Luật đất đai 2013; điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Thanh V và bà Tôn Thanh C đối với bị đơn ông Trần Thanh T.

1. Công nhận thửa ruộng số 255, tờ bản đồ số 24, diện tích 231,8m^2 thuộc xóm ĐT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên thuộc quyền sử dụng của ông Trần Thanh V và bà Tôn Thanh C.

(có trích lục sơ đồ kèm theo)

2. Ông Trần Thanh V và bà Tôn Thanh C có trách nhiệm làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa ruộng số 255, tờ bản đồ số 24, diện tích 231,8m^2 thuộc xóm ĐT, xã HT, huyện ĐH, tỉnh Thái Nguyên theo quy định của pháp luật.

3. Án phí:

3.1 Án phí dân sự sơ thẩm Ông Trần Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Hoàn trả cho ông V, bà C số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0016638 ngày 08/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Thanh T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí phúc thẩm, được chuyển từ dự phí sang, theo biên lai số 0016762 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

4. Về chi phí tố tụng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Thanh V và bà Tôn Thanh C về việc tự chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và chi phí định giá tài sản là 2.100.000đ, đã thực hiện xong.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện Đồng Hỷ;
- THADS huyện Đồng Hỷ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Anh Dân